

Bản án số: 29/2024/DS- ST
Ngày: 20- 9- 2024
“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thạch và ông Trương Hải Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết Mai- Thư ký Tòa án huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị N, sinh năm 1955; địa chỉ: Đội 1, thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2024, bản tự khai ngày 23/8/2024 nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày:

Ngày 05/02/2018, bà Hoàng Thị L ở tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình có vay mượn bà N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và vào ngày 10/02/2018 bà L tiếp tục vay mượn thêm số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và bà L hẹn đến tháng 5/2018 sẽ trả. Tuy nhiên bà L không chịu trả theo đúng thời hạn cam kết và bà L lại khát nợ đến ngày 05/7/2018 sẽ trả cho bà N. Trong quá trình vay mượn bà L đã trả cho bà N được 1.800.000 đồng sau đó không trả nữa. Bà N có đến bà L lấy 1 số hàng hóa để trừ nợ, cộng cả số tiền bà L đã trả và số hàng hóa bà N đến lấy tại bà L được 4.000.000 đồng. Bà N đã nhiều lần đến bà L để đòi nợ nhưng bà L không có ý định trả tiền cho bà N, thời gian khát nợ của bà L đã quá lâu, không có động thái gì về việc bà L có ý thức trả tiền cho bà N. Vì vậy bà N đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho bà N số tiền gốc 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) và tiền lãi 5.200.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2019 cho đến nay). Tổng cộng 16.200.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Dương Thị N trình bày:

Trước đây trong đơn khởi kiện bà N yêu cầu bà L phải trả 5.200.000 đồng tiền lãi và 11.000.000 đồng tiền gốc. Nhưng tại phiên tòa, bà N chỉ yêu cầu bà L phải trả số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) đã vay mượn, không yêu cầu bà L trả số tiền lãi 5.200.000 đồng tiền lãi nữa. Yêu cầu bà L phải trả tiền lãi phát sinh sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Tại bản tự khai ngày 22/8/2024 và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Ngày 05/02/2018, bà L có vay mượn của bà Dương Thị Nở thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 10/2/2018, bà L có vay mượn thêm 5.000.000 đồng. Trong quá trình vay mượn của bà N, bà L đã trả được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 11.000.000 đồng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà L phải trả 11.000.000 đồng tiền gốc và 5.200.000 đồng tiền lãi, bà L có nguyện vọng xin được trả 11.000.000 đồng tiền gốc, còn số tiền lãi 5.200.000 đồng bà L đề nghị bà N không tính lãi suất.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và kết quả hỏi tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Giấy khất nợ giữa bà Dương Thị N và bà Hoàng Thị L có cơ sở xác định: Vào ngày 05/02/2018, bà Hoàng Thị L có vay mượn của bà Dương Thị N số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 10/02/2018, bà Hoàng Thị L có vay mượn thêm 5.000.000 đồng; tổng cộng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) thời gian vay mượn kể từ ngày 05/02/2018 và ngày 10/02/2028, không tính lãi suất và không ghi phương thức trả lãi. Trong lần cho bà L vay mượn, thì giữa bà N và bà L có ghi số tiền nợ, có ghi thời hạn trả nợ và không ghi tính lãi suất. Trong quá trình vay mượn bà L đã trả cho bà N được 1.800.000 đồng và bà N đến bà L lấy 1 số hàng hóa để trừ nợ, cộng cả số tiền bà L đã trả và số hàng hóa bà N đến lấy tại bà L là 4.000.000 đồng. Sau khoảng 05 năm từ khi cho bà L vay mượn, bà N và đã nhiều lần đến đòi nợ tại bà L, thời gian từ khi gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy (10/7/2024) để yêu cầu bà L trả nợ được coi là báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

[3]. Xét Giấy khất nợ về việc mượn tiền ngày 05/02/2018 và ngày 10/02/2018 ký kết nêu trên, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, do đó đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Bà Hoàng Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc tại “Giấy khất nợ” đã ký kết với bà Dương Thị N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc bà L phải trả nợ cho bà N số tiền nợ gốc còn lại 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) là phù hợp với các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự.

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn rút một phần yêu cầu bà L thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi bà N cho bà L mượn, các bên không đề cập đến nghĩa vụ trả lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số tiền chậm trả. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là tự nguyện và có lợi cho bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về rút yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn tiền lãi chậm thi hành án cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải trả lãi đối với khoản tiền nợ cho nguyên đơn số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Dương Thị N thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí cho bà Dương Thị N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH; bị đơn Hoàng Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị N buộc bị đơn Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Dương Thị N số tiền là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (20/9/2024) cho đến khi bà Hoàng Thị L trả hết tiền nợ, bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả cho đến khi trả hết nợ.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Thị L phải chịu 550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/9/2024) để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

